

Số: 02 /2018/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý đô thị thành phố Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 10/01/2018 và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 319/BC-STP ngày 27/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đô thị thành phố Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Du lịch, Văn hóa và Thể thao; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã thuộc thành phố Ninh Bình và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tỉnh ủy Ninh Bình;
- HĐND tỉnh Ninh Bình;
- UBMT TQVN tỉnh Ninh Bình;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thành ủy Thành phố Ninh Bình;
- Công báo tỉnh Ninh Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, VP4,2,3,5,6,7,11.

vv

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Thạch

QUY CHẾ

Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 05/02/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định một số nội dung quản lý nhà nước về: Quản lý Quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng đô thị, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý đất đai, vệ sinh môi trường đô thị; trật tự công cộng và an toàn giao thông đô thị; văn hóa công cộng văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

2. Các nội dung khác không có trong Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang sinh sống, làm việc và tham gia các hoạt động liên quan đến công tác quản lý đô thị trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ QUY HOẠCH

Điều 3. Nguyên tắc quản lý quy hoạch đô thị

1. Đối với khu đô thị chưa có quy hoạch chi tiết được phê duyệt, thì việc quản lý quy hoạch phải tuân thủ theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chung và Quy chế quản lý Quy hoạch, kiến trúc đô thị Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

2. Trường hợp quy hoạch chi tiết đô thị được phê duyệt trước thời điểm Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt ngày 28/7/2014 và Quy hoạch phân khu được duyệt thì phải rà soát sự phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu nếu còn phù hợp thì tiếp tục quản lý thực hiện theo quy hoạch chi tiết, nếu không còn phù hợp phải điều chỉnh quy hoạch chi tiết để phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được phê duyệt.

3. Các dự án đầu tư xây dựng công trình có diện tích đất lớn hơn 5,0 ha (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, chung cư lớn hơn 2,0 ha) phải thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết trước khi lập dự án.

Điều 4. Thực hiện quy hoạch chi tiết đô thị

1. Lập quy hoạch chi tiết

a) Tổ chức thực hiện

Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình;

Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Ninh Bình;

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình; chủ đầu tư có dự án được nêu tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này và các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch cụ thể.

Đơn vị thực hiện việc lập quy hoạch chi tiết: Tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân; đủ điều kiện về số lượng, năng lực chuyên môn của cá nhân tham gia lập quy hoạch đô thị, năng lực quản lý và các điều kiện kỹ thuật phù hợp với công việc đảm nhận. Trình tự thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản quy định về đấu thầu; hoặc thông qua hình thức chỉ định, thi tuyển theo quy định hiện hành.

b) Trình tự lập đồ án quy hoạch

Lập Quy hoạch chi tiết được tiến hành qua 2 bước phê duyệt: Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; lập, thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch. Các bước lập quy hoạch chi tiết đều được lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị, xã hội của nhà nước.

Các nội dung cụ thể đối với các đồ án quy hoạch chi tiết khác được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 (sau đây gọi là Luật Quy hoạch đô thị năm 2009), Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (sau đây gọi là Luật Xây dựng năm 2014) và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị (sau đây gọi là Nghị định 37/2010/NĐ-CP).

2. Đối với các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch cụ thể, nội dung quy hoạch phải được thống nhất với Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình.

3. Công bố công khai quy hoạch chi tiết

a) Trách nhiệm công bố công khai quy hoạch

Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình công bố công khai đồ án quy hoạch quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

b) Hình thức công bố công khai quy hoạch

Trung bày thường xuyên, liên tục bản vẽ, các thông tin về quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình, trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và tại nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, phố khu vực được lập quy hoạch. Thông tin trên các phương tiện truyền thanh của thành phố Ninh Bình, các xã, phường và thôn, phố nơi lập quy hoạch.

4. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch chi tiết

Ngoài thực hiện các nội dung trong hợp đồng; quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 của Quy chế; tổ chức tư vấn lập quy hoạch chi tiết có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt cho Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi lập quy hoạch, cho Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình để thực hiện công bố công khai quy hoạch.

5. Cấm mốc giới theo quy hoạch chi tiết đô thị

a) Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình tổ chức triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo hồ sơ cấm mốc giới đã được phê duyệt; Hồ sơ cấm mốc giới do các đơn vị chuyên môn lập quy hoạch thực hiện;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường tiếp nhận và trực tiếp quản lý mốc giới đã được xác định tại thực địa.

Điều 5. Trách nhiệm trong quản lý quy hoạch đô thị

1. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Kiểm tra, tiếp nhận các thông tin của nhân dân về mốc giới quy hoạch ngoài thực địa, kịp thời phản ánh cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý quy hoạch

Quản lý các vị trí mốc giới ngoài thực địa theo quy hoạch. Thường xuyên phối hợp với Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn kiểm tra, lập biên bản, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kịp thời báo cáo tình hình về mốc giới quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng trên địa bàn; kết quả xử lý cho Ủy ban nhân dân xã, phường, cho phòng quản lý đô thị.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Quản lý quy hoạch trên địa bàn theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình, trước pháp luật về mọi trường hợp vi phạm quy hoạch trên địa bàn.

b) Tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý những trường hợp vi phạm quy hoạch đô thị; đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình để xử lý.

c) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình qua Phòng Quản lý đô thị định kỳ hằng quý (vào ngày 20 tháng cuối quý), đột xuất về việc quản lý Quy hoạch trên địa bàn.

4. Trách nhiệm của Đội trưởng Đội kiểm tra trật tự đô thị

Tổ chức lực lượng kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm về quy hoạch, phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường để xử lý kịp thời những hành vi vi phạm về quy hoạch.

5. Trách nhiệm của Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình

a) Chủ trì và là đầu mối, phối hợp với các Phòng, Ban liên quan để giúp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình quản lý về quy hoạch đô thị trên địa bàn toàn thành phố Ninh Bình theo thẩm quyền.

b) Quản lý hồ sơ quy hoạch, hồ sơ về mốc giới trên địa bàn toàn thành phố Ninh Bình.

c) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các xã, phường, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và thực hiện quy hoạch được duyệt;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình ban hành các văn bản xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền và các văn bản kiến nghị, đề xuất, báo cáo lên cấp trên trong công tác quản lý quy hoạch.

Mục 2

QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

Điều 6. Nguyên tắc quản lý trật tự xây dựng đô thị

1. Việc đầu tư xây dựng công trình phải phù hợp với quy hoạch đô thị, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường, phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình xây dựng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới được khởi công xây dựng (trừ các công trình xây dựng được miễn cấp giấy phép xây dựng quy định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014).

Điều 7. Quy định về cấp phép xây dựng

1. Các công trình thuộc thẩm quyền cấp phép xây dựng của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình được thực hiện tại Trung tâm một cửa liên thông của thành phố Ninh Bình. Các công trình thuộc thẩm quyền Sở Xây dựng cấp phép xây dựng được thực hiện tại Trung tâm một cửa của Sở Xây dựng.

Thời gian xử lý hồ sơ cấp giấy phép xây dựng nhà ở trong 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng nhà ở (hồ sơ đầy đủ hợp lệ theo quy định).

2. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương để theo dõi, lưu hồ sơ.

4. Gia hạn giấy phép xây dựng

Trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây

dụng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần. Thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng. Khi hết thời gian gia hạn giấy phép xây dựng mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.

Điều 8. Quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ

1. Điều kiện để khởi công

Công trình xây dựng chỉ được khởi công khi:

- a) Có giấy phép xây dựng và hồ sơ thiết kế công trình kèm theo;
- b) Có bản cam kết về sử dụng mặt bằng thi công, bảo đảm trật tự đô thị, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến các công trình xung quanh.

2. Quản lý sau cấp phép xây dựng

a) Trước khi khởi công xây dựng chủ công trình phải xuất trình giấy phép xây dựng và hồ sơ thiết kế công trình kèm theo với chính quyền xã, phường sở tại (thời gian chậm nhất 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng). Đồng thời phải tuân thủ sự giám sát của cán bộ phụ trách xây dựng của chính quyền xã, phường sở tại.

b) Cán bộ phụ trách xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đột xuất, thường xuyên và thực hiện quy trình kiểm tra, giám sát theo định kỳ quá trình thi công xây dựng theo 03 bước, cụ thể là:

Kiểm tra định vị công trình trên thực địa và giao cốt nền tầng một;

Kiểm tra trước khi lấp móng, đập nắp bể tự hoại để đảm bảo vệ sinh môi trường;

Kiểm tra cốt cao độ của sàn các tầng, độ nhô ra của các ban công và những chi tiết khác theo hồ sơ thiết kế đã được cấp giấy phép xây dựng.

c) Sau khi hoàn thành công trình chủ công trình phải hoàn trả lại mặt bằng đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, chất lượng theo đúng cam kết.

Điều 9. Quy định về xây dựng bậc thềm và mái đua tạm thời

1. Đối với khu dân cư hiện hữu, các hộ có công trình nhà ở riêng lẻ đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này và nằm trên các tuyến đường có bề rộng > 7m (bao gồm lòng đường và vỉa hè), được sử dụng tạm thời một phần diện tích vỉa hè, một phần khoảng không trước nhà ở tầng 1 (tính từ chỉ giới đường đỏ trở ra lòng đường) để xây bậc thềm vào nhà, lắp dựng mái đua tạm thời che nắng, che mưa. Khi nhà nước yêu cầu tháo dỡ thì các hộ phải tự giác chấp hành tháo dỡ.

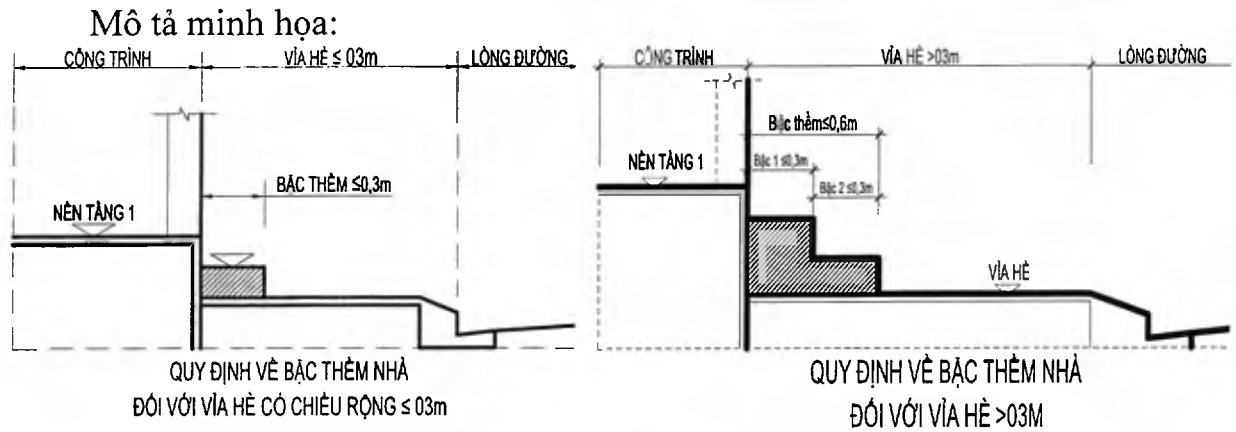
a) Xây dựng, lắp đặt bậc thềm trên vỉa hè như sau:

Hè phố $\leq 3\text{m}$ được xây một bậc thềm nhà chiều rộng bậc $\leq 0,3\text{m}$.

Hè phố $> 3\text{m}$ được xây dựng không quá 2 bậc thềm nhà, chiều rộng bậc nhỏ hơn hoặc bằng $0,3\text{m}$.

Chiều cao bậc thêm: Tùy theo cao độ của thêm nhà, bề rộng vỉa hè quy định như trên, tối đa không quá 02 bậc ($\leq 0,6m$). Để thuận lợi cho việc sinh hoạt hàng ngày, các hộ có thể bố trí thêm bậc di động để ra vào nhà.

Chiều dài bậc bằng hoặc nhỏ hơn chiều dài mặt tiền ngôi nhà nhưng không ảnh hưởng tới công trình kỹ thuật đô thị.



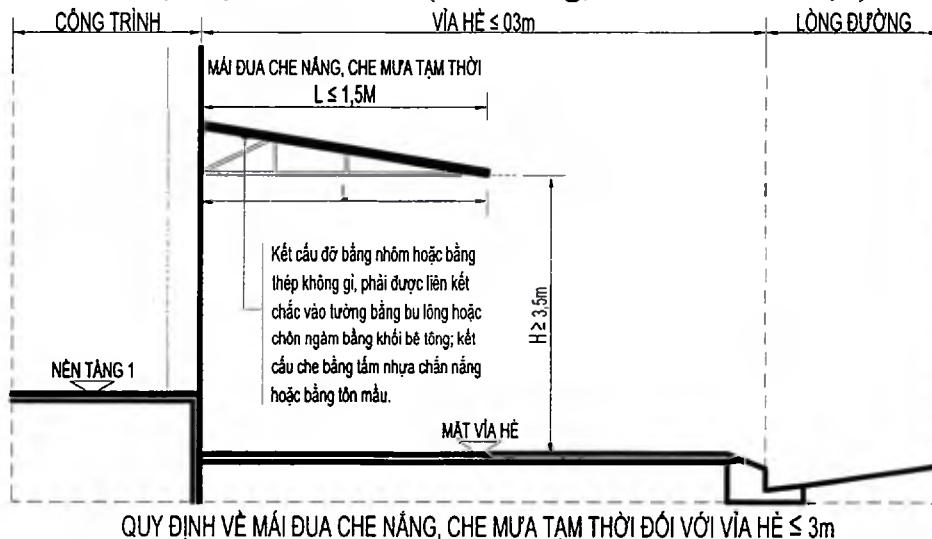
b) Mái đua che nắng, che mưa tạm thời đối với nhà ở riêng lẻ mặt trước được phép xây dựng giáp biên vỉa hè đường phố

Kết cấu mái đua phải đảm bảo an toàn cho người và công trình, đặc biệt trong mùa mưa bão.

Vị trí mái đua: Lắp dựng phía trước mặt tiền ngôi nhà, đảm bảo độ cao thông thủy từ mặt hè phố lên mặt dưới của mái đua không nhỏ hơn 3,5m. Độ vươn ra của mái đua từ mặt trước nhà ra hè phố tối đa 2,5m; đồng thời phải không được lớn hơn một nửa chiều rộng vỉa hè, phải đảm bảo các quy định về an toàn lưới điện.

Kết cấu kiến trúc: Kết cấu đỡ bằng nhôm hoặc bằng thép không gỉ, phải được liên kết chắc vào tường bằng bu lông hoặc chôn ngầm bằng khối bê tông; kết cấu che bằng tấm nhựa chắn nắng hoặc bằng tôn màu.

Mô tả minh họa vị trí kiến trúc (hình dáng, kết cấu minh họa):



Điều 10. Quy định về tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình

1. Việc sử dụng tạm thời vỉa hè tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của tổ chức, cá nhân hộ gia đình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Không được chiếm dụng lòng đường để tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng;

b) Không được gây mất trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường;

c) Có biện pháp để không làm hư hỏng kết cấu vỉa hè;

d) Sử dụng đúng thời gian, địa điểm được cho phép;

đ) Hoàn trả lại mặt bằng nguyên trạng sau khi hết thời gian sử dụng.

2. Quy định đối với các tuyến đường về việc tập kết, trung chuyển vật liệu

a) Không được tập kết nguyên vật liệu, phế thải xây dựng ở lòng đường; Phần hè phố trước các hộ gia đình, khi có nhu cầu xây dựng công trình được sử dụng tạm thời một phần để tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng; phần hè phố giáp lòng đường để lại cho người đi bộ tối thiểu 1,5m;

b) Thời gian sử dụng tạm thời hè phố theo tiến độ thi công công trình được ghi trong cam kết khi được cấp giấy phép xây dựng.

3. Quy định về thẩm quyền cho phép sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng phục vụ thi công công trình của hộ gia đình

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện việc cho phép sử dụng một phần vỉa hè thuộc các tuyến đường trên địa bàn xã, phường theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này để tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình.

b) Hình thức cho phép thông qua giấy cam kết về việc sử dụng tạm thời vỉa hè để tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng của các hộ gia đình trong hồ sơ cấp phép xây dựng.

c) Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình quản lý hành chính trong việc sử dụng lòng đường, vỉa hè toàn bộ các tuyến đường được phân cấp trên địa bàn thành phố Ninh Bình; phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Ủy ban nhân dân các xã, phường về sử dụng một phần vỉa hè để tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng phục vụ thi công công trình của hộ gia đình theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 10 của Quy chế và các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng lòng đường vỉa hè.

3. Đối với các tuyến đường hiện hữu không phân định được lòng đường, vỉa hè: Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xem xét, cụ thể và phân định tạm vị trí lòng đường, vỉa hè đảm bảo phù hợp với thực tế, làm cơ sở cấp phép sử dụng tạm

thời vĩa hè tập kết trung chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

4. Quy định về vận chuyển và địa điểm tập kết xử lý phế thải xây dựng

a) Địa điểm tập kết xử lý phế thải xây dựng do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình (địa điểm cụ thể tại Phụ lục số 4 kèm theo Quy chế này).

Đối với các địa điểm khác, đơn vị làm nhiệm vụ dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, các hộ gia đình để thực hiện.

b) Về vận chuyển: Đơn vị làm dịch vụ vận chuyển phải cung cấp dịch vụ và số điện thoại cho tổ dân phố, cho Ủy ban nhân dân xã, phường; Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình thông báo cụ thể về vị trí, điểm tập kết và hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm trong quản lý trật tự xây dựng

1. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố

Chịu trách nhiệm chính cùng với lực lượng nòng cốt gồm Tổ bảo vệ dân phố, Tổ xung kích, Tổ tự quản ở địa bàn thôn, phố để thường xuyên duy trì việc: Kiểm tra, nhắc nhở, tuyên truyền, vận động các hộ dân chấp hành các quy định về trật tự xây dựng và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường sở tại đối với những trường hợp vi phạm để Ủy ban nhân dân xã, phường xử lý theo thẩm quyền.

Thông tin, xác nhận về chất lượng cung cấp các dịch vụ: Vận chuyển phế thải xây dựng, chất lượng hoàn trả mặt bằng của các dự án báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường sở tại làm cơ sở để nghiệm thu kết quả các dịch vụ trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng

a) Kiểm tra, phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính; lập biên bản ngừng thi công xây dựng công trình, yêu cầu chủ đầu tư tự phá dỡ công trình vi phạm; báo cáo, kiến nghị, đề xuất kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường để xử lý các trường hợp vi phạm: quyết định đình chỉ thi công xây dựng, quyết định xử phạt hành chính hoặc quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị thuộc thẩm quyền xử lý.

b) Chủ trì phối hợp cùng cán bộ địa chính xã, phường trước khi cấp phép xây dựng, tiến hành đo đạc xác định vị trí thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau cấp phép xây dựng tiến hành kiểm tra việc định vị công trình của chủ đầu tư đảm bảo đúng giấy phép xây dựng được cấp.

c) Tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường sở tại, báo cáo Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình hàng tuần (trước 16 giờ ngày thứ sáu), đột xuất về tình hình quản lý trật tự xây dựng và xử lý các vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

3. Trách nhiệm của Trưởng Công an các xã, phường

Chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng cấm các phương tiện vận tải chuyên chở vật tư, vật liệu và người lao động vào thi công xây dựng công trình vi phạm; phối hợp với chính quyền địa phương, đôn đốc các cơ quan liên quan đảm bảo hiệu lực thi hành của quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn mình quản lý ngay sau khi ký;

Xử phạt đối với hành vi chống đối hoặc cản trở người thi hành công vụ được quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự và an toàn xã hội.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm về mọi trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động các đơn vị, hộ gia đình, cá nhân chấp hành các quy định trong hoạt động xây dựng;

c) Tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm có hiệu quả các hành vi vi phạm ngay từ ban đầu. Những hành vi vi phạm trên địa bàn quản lý vượt quá thẩm quyền phải lập biên bản vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; ban hành Quyết định đình chỉ xây dựng báo cáo ngay Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình (qua phòng Quản lý đô thị) để xử lý;

d) Tổ chức lực lượng thực hiện cưỡng chế các trường hợp vi phạm theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình qua Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình, Đội Kiểm tra trật tự đô thị thành phố Ninh Bình định kỳ hàng tuần (trước 16 giờ ngày Thứ Sáu), đột xuất về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn (nội dung báo cáo theo Phụ lục 7 kèm theo Quy chế này).

5. Trách nhiệm của Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình về công tác kiểm tra việc chấp hành, thực hiện quy định của Nhà nước về quản lý trật tự xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Ninh Bình và các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng đô thị chưa được phát hiện trong trường hợp công trình đã được kiểm tra (nếu có).

b) Tổ chức lực lượng kiểm tra, phát hiện và tiến hành lập biên bản các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng do Ủy ban nhân dân xã, phường làm sai hoặc không thực hiện; chuyển biên bản vi phạm kịp thời về Ủy ban nhân dân xã,

phường nơi xảy ra vi phạm để xử lý. Đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình những trường hợp vi phạm mà Ủy ban nhân dân xã, phường không thực hiện xử lý.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra, phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm thuộc các đường, các ngõ, ngách trong khu dân cư. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường xử lý các trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã, phường.

d) Phối hợp với phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xử lý các trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền.

đ) Tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt hành chính, quyết định cưỡng chế hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này.

e) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình qua Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình trước 16 giờ Thứ Sáu hằng tuần; tổng hợp, báo cáo toàn bộ các trường hợp xây dựng theo tháng, quý, năm và các trường hợp đột xuất về tình hình xử lý các vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

6. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình trong hoạt động quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình áp dụng các biện pháp quản lý để công tác quản lý trật tự xây dựng có hiệu lực, hiệu quả.

c) Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm thuộc thẩm quyền trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường không ban hành kịp thời; đồng thời, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình có hình thức xử lý kỷ luật đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình ban hành quyết định xử lý theo thẩm quyền đối với những vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm theo thẩm quyền.

d) Tham mưu kịp thời để Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xử lý các trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền.

đ) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng.

e) Tổng hợp cung cấp danh sách các trường hợp được cấp phép xây dựng cho Đội Kiểm tra trật tự đô thị thực hiện nhiệm vụ trước 16 giờ Thứ Sáu hằng tuần.

7. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình

Quyết định xử phạt hành chính theo thẩm quyền; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp giấy phép xây dựng hoặc Sở Xây dựng Ninh Bình cấp giấy phép xây dựng mà công trình xây dựng đó đã bị Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định đình chỉ thi công xây dựng.

Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng vi phạm theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình và của Sở Xây dựng.

Mục 3 **QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ**

Điều 12. Quản lý các tuyến đường theo phân cấp

1. Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm các hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, sử dụng, vận hành, bảo trì, cải tạo, sửa chữa, bảo vệ đối với các công trình đường giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, chất thải rắn, viễn thông, thông tin, nghĩa trang, công viên cây xanh, công ngầm kỹ thuật trong đô thị.

2. Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình và Ủy ban nhân dân xã, phường trong quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị thực hiện theo quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành về các vấn đề:

a) Cấp phép, chấp thuận đào, lấp lòng đường, vỉa hè đường; về đầu tư xây dựng, sử dụng, vận hành, bảo trì, cải tạo, sửa chữa, bảo vệ đối với các công trình đường giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, chất thải rắn, viễn thông, thông tin, nghĩa trang, công viên cây xanh, công ngầm kỹ thuật trong đô thị;

b) Cấp giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng và thực hiện theo thẩm quyền và trách nhiệm được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình thống nhất chung và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về quản lý nhà nước đối với các hoạt động liên quan đến toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Ninh Bình; thực hiện quản lý trực tiếp đối với các tuyến đường phố theo danh mục được phân cấp tại Phụ lục 1 của Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình trong việc kiểm tra, xử lý trường hợp vi phạm đối với hoạt động liên quan đến đào, lấp lòng đường, vỉa hè; hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, sử dụng, vận hành, bảo trì, cải tạo, sửa chữa, bảo vệ đối với các công trình đường giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, chất thải rắn, viễn thông, thông tin, nghĩa trang, công viên cây xanh, công ngầm kỹ thuật trên địa bàn; thực hiện quản lý trực tiếp đối với các tuyến đường phố trên địa bàn theo danh mục được phân cấp tại Phụ lục 1 của Quy chế này.

Điều 13. Quản lý, sử dụng lòng đường, vỉa hè

1. Hệ thống lòng đường, vỉa hè có chức năng phục vụ việc đi lại của nhân dân và các phương tiện giao thông; ngoài các mục đích trên nếu tổ chức, cá nhân sử dụng lòng đường, vỉa hè không vào mục đích giao thông thì phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu đào lòng đường, vỉa hè để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc chấp thuận.

3. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè không vào mục đích giao thông

a) Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè không vào mục đích giao thông như việc cưới, việc tang phải được Ủy ban nhân dân xã, phường cho phép.

b) Sử dụng tạm vỉa hè làm nơi để xe: Phần vỉa hè được sử dụng tạm thời được phân cách bằng sơn hoặc gạch lát khác với bề rộng 10 cm. Phần vỉa hè từ chỉ giới xây dựng trở ra đến vạch sơn được phép để xe đạp, xe máy.

c) Sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè làm bãi đỗ xe tĩnh: Đối với các đoạn đường có lòng đường rộng $\geq 10,5$ m; vỉa hè rộng $\geq 6,5$ m; có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông ít (trừ các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ) được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xem xét cho phép bố trí các điểm đỗ xe tĩnh tạm thời (vị trí các bãi đỗ xe tạm thời theo Phụ lục số 5 kèm theo Quy chế này).

d) Các loại hoạt động sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè khác phải do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cho phép. Việc thu phí (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật.

e) Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, vỉa hè phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Không được gây mất trật tự công cộng và phải bảo đảm an toàn giao thông;

Sử dụng đúng thời gian, địa điểm cho phép;

Trả lại mặt bằng sau khi hết thời gian sử dụng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 14. Quản lý hệ thống cấp, thoát nước đô thị

1. Quản lý hệ thống cấp nước

a) Công ty cung cấp dịch vụ cấp nước quản lý toàn bộ hệ thống đường ống phía trước đồng hồ cấp nước cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

b) Để nước tràn, tắc nước, mất nước, đơn vị làm dịch vụ cung cấp nước phải chịu trách nhiệm và phải có biện pháp khắc phục ngay.

c) Việc lắp đặt, cải tạo, di dời hệ thống cấp nước phải được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chấp thuận về phương án thiết kế, và biện pháp thi công.

2. Quản lý hệ thống thoát nước

a) Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý công trình thoát nước trên địa bàn thành phố Ninh Bình phải thường xuyên kiểm tra, phát hiện những điểm, khu vực xuống cấp, hư hỏng, ách tắc, đề xuất giải pháp khắc phục với các cơ quan có thẩm quyền.

b) Kiểm tra, phát hiện xử lý những trường hợp vi phạm làm hư hỏng, ách tắc hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố.

c) Hệ thống thoát nước dọc hai bên đường phố, ở các khu dân cư, cơ quan, đơn vị: Các thôn, tổ dân phố, các cơ quan, đơn vị, các hộ gia đình trực tiếp bảo vệ.

d) Tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu đầu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố Ninh Bình đối với các tuyến thoát nước trong khu dân cư phải xin phép xã, phường sở tại, đối với các tuyến thoát nước theo các tuyến đường trục chính phải xin phép thành phố.

đ) Tổ chức, cá nhân được giao vận hành hệ thống thoát nước phải tuân thủ quy trình vận hành; có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm; thường xuyên kiểm tra, phát hiện, đề xuất các giải pháp để xử lý sự cố đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn hiệu quả.

Điều 15. Quản lý cây xanh công cộng đô thị

1. Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình thống nhất quản lý toàn bộ cây xanh trên vỉa hè; cây xanh công viên; cây xanh, thảm cỏ ở dải phân cách và các khu vực công cộng khác. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trồng, bảo vệ, chăm sóc và phát triển cây xanh công cộng đô thị.

2. Quy định về trồng mới cây xanh trên vỉa hè

a) Cây xanh vỉa hè được trồng theo hàng, vị trí trồng tại điểm giáp ranh giữa hai hộ gia đình, việc trồng cây xanh không được làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật xung quanh, khoảng cách tối thiểu giữa các cây là 4m, khoảng cách từ vị trí trồng cây đến bo vỉa hè tối thiểu là 0,6 m;

b) Việc trồng cây xanh trên từng tuyến phố, trồng theo quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống cây xanh đô thị Ninh Bình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy định về cắt tỉa cây xanh

a) Đối với cây xanh vỉa hè trên các tuyến đường trục chính do Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chỉ đạo thực hiện việc cắt tỉa đối với cây trưởng thành, đảm bảo chiều cao thân cây tối thiểu là 4 m, tối đa là 10 m đối với vỉa hè nhỏ hơn 4 m; chiều cao tối đa là 15 m đối với vỉa hè lớn hơn 4 m. Trong trường hợp đặc biệt nếu tán cây ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm: lưới điện, điện trang trí, điện chiếu sáng, an toàn giao thông, mỹ quan đô thị thì Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình sẽ chỉ đạo cắt tỉa cho phù hợp. Cụ thể tại các tuyến đường của mục A, B, C, D trong Phụ lục số 1 của Quy chế này;

b) Đối với cây xanh vỉa hè trên các tuyến đường phố và các khu dân cư còn lại: Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý và chỉ đạo việc cắt, tỉa đảm bảo an toàn, tầm nhìn giao thông, mỹ quan đô thị và không ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật xung quanh.

4. Quy định điều kiện để chặt hạ, di dời, thay thế cây xanh

a) Cây xanh đã chết, đã gãy đổ hoặc có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm; cây bị sâu bệnh, già cỗi, thân cây cong vẹo, rễ nổi không đảm bảo an toàn, mất mỹ quan đô thị; cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng; cây tạo mùi gây ảnh hưởng tới sức khỏe và môi trường; cây nằm trên các vị trí gây cản trở giao thông, nằm trong hành lang an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật; cây xanh nằm trong khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; các trường hợp khác theo nhu cầu chính đáng của các tổ chức, cá nhân.

b) Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình quyết định việc chặt hạ, di dời, thay thế cây xanh theo quy định tại Điểm a, Khoản 4 này.

Điều 16. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng lòng đường, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, cây xanh công cộng.

1. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố

Chịu trách nhiệm chính cùng với lực lượng nòng cốt gồm Tổ bảo vệ dân phố, Tổ xung kích, Tổ tự quản ở địa bàn thôn, phố để thường xuyên duy trì việc: Kiểm tra, nhắc nhở, tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện nghiêm túc các quy định trong việc quản lý, sử dụng lòng đường, vỉa hè và hệ thống cấp thoát nước, cây xanh đô thị. Kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm và báo ngay với Ủy ban nhân dân xã, phường sở tại hoặc cơ quan chuyên môn biết để kịp thời xử lý theo quy định.

2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức xã, phường

Thực hiện nhiệm vụ quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, có trách nhiệm lập biên bản đối với các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn giao thông đường bộ.

3. Chiến sỹ Công an đang thực thi nhiệm vụ có trách nhiệm lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của địa phương.

4. Trách nhiệm của Trưởng Công an xã, phường

Tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

5. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng lòng đường, vỉa hè. Tổ chức kẻ vạch sơn ranh giới sử dụng vỉa hè, kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trên địa bàn.

b) Tổ chức ký cam kết sử dụng vỉa hè trước nhà đối với từng hộ theo các quy định tại Quy chế này; trên tinh thần tự giải quyết và báo với chính quyền khi có hành vi vi phạm.

c) Thực hiện thủ tục ký cam kết, gia hạn thời gian sử dụng tạm lòng đường, vỉa hè để sử dụng vào việc cưới, việc tang, tập kết vật liệu xây dựng.

d) Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp phép, cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

đ) Tổ chức sửa chữa lòng đường, vỉa hè, nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, ở các tuyến phố theo phân cấp quản lý tại Điều 14 của Quy chế này; kiểm tra, phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý sử dụng lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước và nguồn nước thải không đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn;

e) Hướng dẫn cho nhân dân trồng cây xanh vỉa hè đảm bảo đúng quy hoạch và quy định ở các tuyến đường xã, phường quản lý.

6. Trách nhiệm của Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị

a) Kiểm tra, phát hiện, lập biên bản, đề xuất biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm lấn, chiếm lòng đường, vỉa hè, gây cản trở giao thông, căng treo phong bạt, lắp đặt biển quảng cáo, bày bán hàng, tập kết vật liệu xây dựng đỗ xe không đúng quy định, các hành vi làm hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác tuyên truyền, nhắc nhở để các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc các quy định trong lĩnh vực trật tự đô thị.

7. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình quản lý toàn bộ hệ thống lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xử lý các trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chấn chỉnh, xử lý đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, Đội kiểm tra trật tự đô thị trong việc tuyên truyền, vận động kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước.

đ) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình trong việc thực hiện bảo trì, nạo vét, sửa chữa lòng đường, vỉa hè, hệ thống biển báo giao thông, hệ thống thoát nước trên các tuyến đường trực chính theo phân cấp quản lý tại Điều 14 Quy chế này.

e) Căn cứ vào điều kiện cụ thể hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường về thủ tục cho thuê, cho mượn một phần lòng đường, vỉa hè đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

8. Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong việc thải nước không đảm bảo về môi trường vào hệ thống thoát nước.

9. Trưởng Công an thành phố Ninh Bình có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình trong việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các biển báo hiệu, tín hiệu giao thông; đồng thời đề xuất, báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình những bất hợp lý về biển báo hiệu, tín hiệu giao thông để kịp thời chỉ đạo sửa chữa, lắp mới, khắc phục.

10. Đơn vị thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích có trách nhiệm thực hiện đúng hợp đồng.

Mục 4 **QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Điều 17. Nguyên tắc quản lý, sử dụng đất đai

1. Việc sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị, cá nhân phải đảm bảo đúng mục đích, đúng vị trí, đúng quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được duyệt, không được làm ảnh hưởng đến chủ sử dụng đất liền kề.

2. Việc chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy hoạch kế hoạch sử dụng đất và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Điều 18. Trách nhiệm trong quản lý đất đai

1. Trách nhiệm của Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

Chịu trách nhiệm chính cùng với lực lượng nòng cốt gồm Tổ bảo vệ dân phố, Tổ xung kích, Tổ tự quản ở địa bàn thôn, phố để thường xuyên duy trì việc giám sát, nhắc nhở, phát hiện các hành vi vi phạm về đất đai, báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường để xử lý.

2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân xã, phường về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; triển khai, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân xã, phường việc thuê đất thuộc đất công ích xã, phường, chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện việc đăng ký, lập và quản lý hồ sơ địa chính; theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; bảo quản tư liệu về đất đai, đo đạc và bản đồ; thực hiện quản lý dấu mốc đo đạc và mốc địa giới hành chính trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Quản lý đất đai trên địa bàn, phát hiện ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, công chức chuyên môn thực hiện nhiệm vụ của xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình nếu để xảy ra vi phạm về quản lý đất đai trên địa bàn mà không xử lý kịp thời;

c) Hàng tháng tổng hợp kết quả thực hiện, các khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp).

3. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình thực hiện công tác quản lý đất đai đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, phát hiện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình có biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với các cơ quan, đơn vị, xã, phường thực hiện không nghiêm, không có hiệu quả trong hoạt động quản lý sử dụng đất đai;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền;

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quá trình quản lý nhà nước về quản lý đất đai.

4. Trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác quản lý đất đai.

Mục 5 CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Điều 19. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường

1. Mọi cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác thải độc hại ra môi trường.

2. Việc thu gom, xử lý rác thải, chất thải

a) Rác thải, chất thải trong đô thị phải được thu gom, vận chuyển và xử lý kịp thời; mọi hoạt động thu gom thực hiện từ 17 giờ hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau; phương tiện thu gom, vận chuyển phải đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, không phát tán mùi gây ô nhiễm môi trường.

b) Rác sinh hoạt của các cơ quan đơn vị, hộ gia đình phải có túi đựng hoặc thùng đựng và được đưa ra ngoài để đơn vị thu gom theo thời gian quy định, nghiêm cấm không được để rác thải trước khu vực cửa nhà. Khi có tín hiệu (keng, chuông) của công nhân đi thu gom rác thải sinh hoạt, các hộ mới được mang rác ra để tiến hành thu gom (có biểu thời gian thu gom rác tại các xã, phường trong phụ lục số 6 kèm theo Quy chế này).

Đối với các khu vực dân cư không tập trung, đơn vị thu gom rác có trách nhiệm thống nhất với các cơ quan đơn vị, hộ gia đình về thời gian, địa điểm thu gom rác cụ thể.

c) Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xây dựng kế hoạch và tổ chức đấu thầu việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải với các đơn vị dịch vụ công ích (danh sách các tuyến đường, các vị trí tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này).

d) Việc quét dọn vệ sinh môi trường ở các vị trí khác ngoài vị trí đã quy định tại Điểm c Khoản này do Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ dân phố, các cơ quan đơn vị, hộ gia đình và cá nhân tự tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong khu dân cư, các công trình xây dựng phải đảm bảo tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ không được làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, sức khỏe của cộng đồng dân cư.

4. Tổ chức, cá nhân khi tham gia giao thông và tham gia sinh hoạt tại các nơi công cộng phải giữ gìn và đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Người chết do mắc bệnh nguy hiểm dễ lây lan, gây truyền nhiễm phải được bảo quản, vận chuyển, mai táng, hung táng, cát táng theo đúng quy định của pháp luật về y tế. Các loại gia súc, gia cầm, thủy sản chết hoặc chưa chết nhưng mắc các bệnh nguy hiểm phải được tiêu hủy, xử lý theo đúng quy định của pháp luật về y tế.

6. Việc nuôi nhốt gia súc, gia cầm, động vật trong khu dân cư phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân trong khu vực và vệ sinh môi trường; đối với việc chăn nuôi theo hình thức trang trại phải có kế hoạch, đề án đảm bảo vệ sinh môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm phải đảm bảo vệ sinh môi trường.

8. Các khu vực công cộng phải bố trí nhà vệ sinh công cộng và thùng thu gom rác công cộng.

Điều 20. Thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt

1. Các tổ chức, cá nhân; các cơ sở kinh doanh quy mô hộ gia đình phải có phương tiện, dụng cụ để tự thu gom rác sinh hoạt, lưu giữ đảm bảo vệ sinh môi trường ở trong nhà và chuyển đến các điểm tập kết hoặc phương tiện thu gom của đơn vị vệ sinh môi trường đúng thời gian quy định của thành phố Ninh Bình.

2. Các tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ phải có phương tiện, dụng cụ thu gom rác sinh hoạt, bố trí điểm thu gom, lưu giữ rác sinh

hoạt và phải ký hợp đồng với đơn vị thực hiện dịch vụ công ích để vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

3. Trên các tuyến đường, tuyến phố, nơi công cộng tập trung đông người, đơn vị thực hiện dịch vụ công ích đặt các thùng rác công cộng tại các địa điểm thuận tiện, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực, đặc biệt là tại các địa điểm trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa, trụ sở cơ quan để phục vụ việc thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt; hàng ngày thực hiện thu gom đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự giao thông.

4. Đơn vị thực hiện dịch vụ công ích làm việc hàng ngày về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các tổ chức, hộ gia đình theo giờ khung giờ và phát tín hiệu (kểng, chuông) khi đi thu gom, các điểm tập kết về nơi xử lý theo quy định. Việc thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường. Không tập kết xe thu gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông;

Khung giờ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với từng đơn vị xã, phường (trừ trường hợp đột xuất) được quy định cụ thể tại phụ lục 6 của Quy chế này. Thời gian vận chuyển rác tại các thùng rác công cộng từ 21 giờ đến 23 giờ hàng ngày (trừ trường hợp đột xuất).

Đơn vị thực hiện dịch vụ công ích phải vận chuyển toàn bộ rác thải sinh hoạt sau khi rác thải sinh hoạt được thu gom, thời gian lưu trữ rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết không được quá một giờ.

5. Chất thải rắn sinh hoạt trên đường, hè phố, nơi công cộng phải được đơn vị thực hiện dịch vụ công ích thu gom, quét dọn hàng ngày. Trường hợp trên hè, đường phố, nơi công cộng có đất, cát, phế thải xây dựng hoặc chất thải sinh hoạt rơi vãi mất vệ sinh và mất an toàn giao thông, Ủy ban nhân dân xã, phường chủ trì phối hợp với Tổ nhiệm thu dịch vụ công ích của thành phố Ninh Bình và các cá nhân, đơn vị có liên quan kịp thời xử lý ngay sau khi kiểm tra hoặc có thông tin phát hiện.

Điều 21. Trách nhiệm trong công tác vệ sinh môi trường

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị dịch vụ công ích được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình ký hợp đồng làm dịch vụ công ích

a) Quản lý vận hành có hiệu quả đối với các công trình, tài sản nhà nước được giao quản lý theo quy định. Chủ động đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình các biện pháp sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế, vận hành đạt hiệu quả;

b) Thực hiện các nội dung nhiệm vụ, công việc theo hợp đồng ký kết với Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình (hoặc đơn vị được ủy quyền theo quy định) và các nhiệm vụ khác có liên quan;

c) Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình tăng cường biện pháp quản lý, giải pháp tổ chức thực hiện trong công tác vệ sinh môi trường, cây xanh đô thị.

2. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu trách nhiệm chính cùng với Tổ tự quản và các đoàn thể ở địa bàn thôn, phố để thường xuyên duy trì các công việc sau:

a) Giám sát, nhắc nhở, phát hiện các hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường, báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường để xử lý;

b) Đôn đốc, nhắc nhở các hộ gia đình, cá nhân để rác thải gọn gàng, đúng quy định, không vứt, xả rác ra đường, vỉa hè, nơi công cộng; quét dọn rác thải vỉa hè và một phần lòng đường trước nhà ở các vị trí khác ngoài vị trí đã quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Quy chế này;

c) Huy động nhân dân tham gia quét dọn làm tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn vào ngày thứ 7 hàng tuần.

3. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác vệ sinh môi trường

a) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình thực hiện việc đăng ký và kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện kế hoạch/đề án bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;

b) Triển khai thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ cụ thể về giữ gìn vệ sinh môi trường đối với các khu dân cư, hộ gia đình và các hoạt động bảo vệ môi trường nơi công cộng trên địa bàn theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường;

c) Tổ chức kiểm tra, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, thôn, tổ dân phố trong việc quét dọn rác thải, giữ gìn vệ sinh môi trường hàng ngày;

d) Tham gia hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật; phát hiện các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Quản lý công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn, phát hiện ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình nếu để xảy ra vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn mà không xử lý kịp thời;

c) Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, thôn, tổ dân phố trong việc quét dọn rác thải, giữ gìn vệ sinh môi trường hàng ngày; việc huy động lực lượng tổng vệ sinh môi trường vào thứ 7 hàng tuần; tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân có các hoạt động giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp;

d) Phối hợp với đơn vị dịch vụ công ích thống nhất quy trình thu gom, vận chuyển rác thải. Bố trí địa điểm tập kết rác sinh hoạt, thùng rác công cộng đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

5. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình

a) Tham mưu giúp cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình trong công tác quản lý vệ sinh môi trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

b) Thẩm định và tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án, đề án, dự án bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân;

c) Kiểm tra, phát hiện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình có biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với các cơ quan, đơn vị, xã, phường thực hiện không nghiêm trong hoạt động đảm bảo vệ sinh môi trường;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền;

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quá trình quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường.

e) Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch xác định, giám sát khối lượng, lập hồ sơ nghiệm thu về các dịch vụ thu gom, quét dọn rác trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

6. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Ninh Bình có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xây dựng quy trình nghiệm thu, thanh quyết toán dịch vụ công ích đảm bảo công khai minh bạch. Hồ sơ nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ công ích yêu cầu phải có xác nhận của tổ dân phố (thôn) và Ủy ban nhân dân xã, phường.

Mục 6

QUẢN LÝ TRẬT TỰ CÔNG CỘNG VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

Điều 22. Quản lý trật tự công cộng

1. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý các khu vực tập trung đông người phải có nội quy quy định về trật tự an toàn công cộng, nội dung phải phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội; nội dung phải được niêm yết công khai tại địa điểm thuận lợi nhất để mọi người biết, thực hiện.

2. Việc tập trung đông người nơi công cộng mà không thuộc các hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức xã hội khác phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới được tổ chức. Khi tổ chức phải thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký và các quy định khác của pháp luật.

3. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ không được làm ảnh hưởng đến người khác, những cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có tiếng ồn phải thực hiện xử lý tiếng ồn theo đúng quy định pháp luật. Trừ những hành vi đã được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 28 của Quy chế này.

Điều 23. Quản lý an toàn giao thông đô thị

1. Giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Ninh Bình phải được quản lý, sử dụng đảm bảo thông suốt, trật tự, an toàn, hiệu quả. Quản lý giao thông đường bộ được thực hiện trên cơ sở phân công, phân cấp, trách nhiệm, quyền hạn cụ thể; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và chính quyền các cấp.

2. Việc đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân. Người tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm các quy định của Luật Giao thông đường bộ và các quy định khác của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ. Phương tiện tham gia giao thông phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn khi tham gia giao thông.

Đối với phương tiện ô tô vận chuyển hành khách và ô tô tải phải chấp hành các quy định hiện hành về phân làn, phân luồng. Chi tiết cụ thể xem trong bảng phụ lục số 3 của Quy chế này.

3. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh đúng pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm trong quản lý trật tự công cộng và an toàn giao thông đô thị

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố chịu trách nhiệm chính cùng với lực lượng nòng cốt gồm Tổ bảo vệ dân phố, Tổ xung kích, Tổ tự quản thường xuyên ở địa bàn thôn, phố để duy trì và thực hiện các công việc sau:

a) Phổ biến, tuyên truyền nâng cao cảnh giác, ý thức phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự nhằm vận động nhân dân trong xã, phường tự giác chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, quy ước, nội quy về bảo vệ an ninh, trật tự; tham gia xây dựng xã, phường, cụm dân cư, hộ gia đình an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm, tệ nạn xã hội;

b) Khi có vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra trong địa bàn, phải kịp thời có mặt và tìm mọi cách báo ngay cho Công an xã, phường; bảo vệ hiện trường, tham gia cấp cứu người bị nạn, bắt, giữ người phạm tội quả tang, tước bỏ hung khí, tham gia chữa cháy, cứu tài sản và thực hiện các công việc khác theo sự phân công, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân và Công an xã, phường;

c) Phối hợp với lực lượng dân phòng và bảo vệ chuyên trách các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân và Công an xã, phường. Tổ chức tuần tra kiểm soát và tham gia các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác về trật tự, an toàn xã hội theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày của Chính phủ về Bảo vệ dân phố và Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Trách nhiệm của Trưởng Công an xã, phường

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp có kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa);

b) Chỉ đạo lực lượng Công an thành phố Ninh Bình tham gia phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao

thông trên địa bàn xã, phường theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn, chỉ đạo của Công an cấp trên.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về trật tự công cộng, an toàn giao thông trên địa bàn;

b) Tổ chức tuyên truyền cho nhân dân chấp hành Luật Giao thông đường bộ và các quy định về trật tự công cộng;

c) Chỉ đạo Công an xã, phường xử lý những trường hợp vi phạm dùng, đỗ xe sai quy định và các vi phạm khác về trật tự công cộng và an toàn giao thông (trong trường hợp vượt quá thẩm quyền thì tham mưu cho Công an thành phố Ninh Bình hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường xử lý theo thẩm quyền).

4. Trách nhiệm của Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị thành phố Ninh Bình

a) Phối hợp với Công an thành phố Ninh Bình, Ủy ban nhân dân các xã, phường xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định;

b) Kiểm tra, phát hiện, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự công cộng, an toàn giao thông thuộc thẩm quyền.

5. Trách nhiệm của Trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình quản lý các trang thiết bị; chủ trì đề xuất biện pháp sửa chữa, lắp đặt mới, thay thế hệ thống biển báo, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ đường;

b) Phối hợp với Công an thành phố Ninh Bình và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn.

6. Trách nhiệm của Trưởng Công an thành phố Ninh Bình

a) Chỉ đạo lực lượng Công an thành phố Ninh Bình giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Ninh Bình theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, chỉ đạo của Công an cấp trên; hướng dẫn người tham gia giao thông đảm bảo an toàn giao thông, chống ùn tắc trên địa bàn thành phố Ninh Bình; xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định;

b) Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị chuyên môn của thành phố Ninh Bình và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc đảm bảo trật tự công cộng, an toàn giao thông;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình các giải pháp để đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, trật tự công cộng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Mục 7
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
VĂN HOÁ CÔNG CỘNG VĂN MINH ĐÔ THỊ

Điều 25. Quản lý hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các hoạt động về văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng phải tuân thủ quy định của pháp luật; có trách nhiệm giữ gìn nếp sống văn minh đô thị theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình.

2. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh văn hóa phẩm, hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa công cộng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (hoặc văn bản đồng ý); phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép (hoặc văn bản đồng ý) và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet không được phép hoạt động từ 22 giờ đêm đến 06 giờ sáng. Trò chơi điện tử công cộng không được phép hoạt động từ 22 giờ đêm đến 08 giờ sáng. Các cơ sở kinh doanh vũ trường, karaoke không được phép hoạt động từ 00 giờ đêm đến 08 giờ sáng. Đối với phòng hát karaoke, vũ trường trong khách sạn 4 sao trở lên không được phép hoạt động từ 02 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

Điều 26. Quản lý hoạt động quảng cáo trực quan ngoài trời

1. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có nhu cầu quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Ninh Bình dưới mọi hình thức phải thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo; phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chỉ được phép thực hiện quảng cáo khi đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chấp thuận toàn bộ những hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Ninh Bình, ngoài những nội dung sau: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 m² trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 m² trở lên.

3. Mọi hình thức quảng cáo ngoài trời không được ảnh hưởng đến tầm nhìn của người tham gia giao thông, không được che khuất hệ thống biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông và đảm bảo mỹ quan đô thị.

4. Đặt biển hiệu và kích thước biển hiệu

a) Biển hiệu chỉ được viết, đặt sát cổng, hoặc mặt trước của trụ sở hoặc nơi kinh doanh của tổ chức, cá nhân; mỗi cơ quan, tổ chức chỉ được viết, đặt một biển hiệu tại cổng; tại trụ sở hoặc nơi kinh doanh độc lập với tổ chức, cá nhân khác chỉ viết, đặt một biển hiệu ngang và không quá hai biển hiệu dọc.

Biển hiệu không được che chắn không gian thoát hiểm, cứu hoả; không được lấn ra vỉa hè, lòng đường, ảnh hưởng đến giao thông công cộng.

Không được treo, gắn, dán, vẽ biển hiệu, biển chỉ dẫn, rao vặt vào cột điện, cột tín hiệu giao thông, cây xanh, tường nhà và các công trình công cộng.

b) Kích thước biển hiệu

Đối với biển hiệu ngang thì chiều cao tối đa là 2,0 m, chiều dài không vượt quá chiều ngang mặt tiền nhà.

Đối với biển hiệu dọc thì chiều ngang tối đa là 1,0 m, chiều cao tối đa là 4,0 m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển hiệu.

Điều 27. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang

1. Việc tổ chức đám cưới, đám tang phải đảm bảo vệ sinh môi trường, trật tự đô thị, an toàn giao thông.

2. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới

a) Nghi lễ trong việc cưới được tổ chức trang trọng, gọn nhẹ, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức, ăn uống kéo dài, lãng phí; âm lượng, âm thanh loa đài sử dụng trong đám cưới vừa phải, không mở trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm làm ảnh hưởng đến sinh hoạt đời sống của nhân dân trong khu vực. Khuyến khích tổ chức lễ cưới theo nếp sống mới đơn giản, tiết kiệm; nên tổ chức tiệc trà;

b) Đối với các tuyến đường Trần Hưng Đạo, 30 tháng 6, Lương Văn Thăng, Đinh Tiên Hoàng, Lê Hồng Phong, Lê Đại Hành, Nguyễn Công Trứ, Trần Nhân Tông, Nguyễn Minh Không chỉ được dựng rạp trên vỉa hè, không dựng rạp dưới lòng đường.

3. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang

a) Các nghi lễ được thực hiện chu đáo, tiết kiệm; không tổ chức ăn uống lãng phí; không mở loa, đài, kèn, trống trước 05 giờ sáng và sau 22 giờ đêm làm ảnh hưởng đến sinh hoạt đời sống của nhân dân trong khu vực; không rải các loại tiền, vàng mã dọc đường; không lợi dụng tang lễ để thực hiện hành vi mê tín, dị đoan, những hành vi không phù hợp với thuần phong mỹ tục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương.

b) Gia đình, tổ chức tang lễ có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực tang lễ và tại khu vực chôn cất.

4. Kích thước rạp tổ chức đám cưới, đám tang

Các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng vỉa hè và một phần lòng đường phía trước nhà mình để dựng rạp tạm thời để tổ chức đám cưới, đám tang phải được cho phép của Ủy ban nhân xã, phường quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 15 Quy chế này, cần phải chấp hành các quy định sau:

a) Mỗi cá nhân, hộ gia đình chỉ được phép làm một rạp, kích thước: Chiều dài không quá 20m, chiều rộng không quá 5m;

b) Vị trí lắp dựng rạp: Trên vỉa hè và một phần lòng đường đối với những tuyến đường có kích thước vỉa hè $\leq 5,0$ m (trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này);

c) Một phần rạp nằm dưới lòng đường tuân thủ điều kiện sau: Phần mép ngoài cùng của rạp nằm dưới lòng đường cách mép bo (mép nhựa) của đường (phần bên trong rạp) không quá 2,0 m ($\leq 2,0$ m); cách mép bo (mép nhựa) đường đối diện không được nhỏ hơn 3,0 m ($\geq 3,0$ m).

Những nội dung khác không có trong Điều này, thực hiện theo Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 28. Những hành vi bị cấm trong hoạt động văn hoá văn minh đô thị

1. Trong hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa

a) Hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa có nội dung chống lại Đảng, Nhà nước; có nội dung bạo lực tuyên truyền văn hóa phản động, lối sống đồi trụy, các hành vi bạo lực, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, trái với thuần phong, mỹ tục;

b) Lưu hành, phổ biến và kinh doanh các sản phẩm văn hóa, sản xuất, nhập khẩu trái phép; các sản phẩm văn hóa có quyết định đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu tiêu hủy;

c) Tổ chức sự kiện khi chưa được cho phép; tổ chức các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa khi chưa đủ điều kiện hoặc vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh, trật tự và phòng, chống cháy nổ;

d) Những hành vi lời nói, cử chỉ, hành động thiếu văn hóa; ăn mặc đi đứng thiếu văn minh lịch sự nơi công cộng.

2. Trong hoạt động quảng cáo trực quan ngoài trời

a) Tự ý căng treo, lắp đặt bảng, biển quảng cáo;

b) Quảng cáo thiếu thẩm mỹ, trái với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam; làm ảnh hưởng mỹ quan đô thị, trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội. Nội dung quảng cáo trái với đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước;

c) Quảng cáo có nội dung cạnh tranh không lành mạnh; quảng cáo xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân;

d) Treo, đặt, dán, vẽ và các hình thức quảng cáo khác trên cột điện, nhà ở, tường bao, lan can cầu, đường, cột tín hiệu giao thông và cây xanh đường phố.

3. Trong việc cưới, việc tang

a) Không được dựng rạp quá kích thước quy định tại Khoản 4 Điều 27 Quy chế này.

b) Trong việc cưới: Chương trình ca nhạc phục vụ lễ có nội dung không lành mạnh, các hình thức đánh bạc, các hình thức mê tín dị đoan; lợi dụng phương tiện của cơ quan, đơn vị, tổ chức đi dự lễ cưới; lợi dụng việc cưới để vụ lợi, sử dụng công quỹ của nhà nước, đơn vị, tổ chức để làm quà mừng cưới, phục vụ cho mục đích cá nhân.

c) Trong việc tang: Thi hài phải được chôn cất hoặc hỏa táng không quá 48 giờ tính từ thời điểm chết.

Điều 29. Trách nhiệm trong quản lý hoạt động văn hoá và văn minh đô thị

1. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Tổ chức xây dựng Quy ước thôn, phố; văn bản quy phạm pháp luật và văn hóa nhân văn thực tế ở địa phương.

b) Đôn đốc, nhắc nhở các cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn chấp hành các quy định về hoạt động văn hoá, văn minh đô thị; báo cáo cơ quan chức năng xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; tổng hợp, đánh giá các cá nhân hộ gia đình không chấp hành và không xét danh hiệu gia đình văn hoá.

2. Trách nhiệm của công chức văn hóa xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức cho đội kiểm tra liên ngành xã, phường: kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm trong hoạt động văn hóa công cộng; nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lập biên bản vi phạm hành chính đồng thời đề xuất với chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

b) Phối hợp với các ngành chức năng trong công tác kiểm tra thẩm định các điều kiện để trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động cho các cơ sở kinh doanh đủ điều kiện.

c) Thống kê, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Ninh Bình hàng tuần (trước 16 giờ Thứ Sáu) hàng tháng (trước ngày 25) và đột xuất về tình hình hoạt động, kết quả kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động văn hóa văn minh đô thị trên địa bàn.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Hướng dẫn các thôn, phố thực hiện các hoạt động quảng cáo trực quan ngoài trời, tổ chức lễ hội, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang. Thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và thành phố Ninh Bình trong quá trình thực hiện quản lý hoạt động văn hóa và văn minh đô thị tại địa bàn;

b) Thường xuyên kiểm tra, rà soát các Quy ước của thôn, phố để đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế, đúng pháp luật;

c) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện quản lý các hoạt động văn hóa và văn minh đô thị trên địa bàn, kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, kiến nghị với cơ quan cấp trên xử lý nếu vượt thẩm quyền;

d) Tổ chức bóc, dỡ, xóa quảng cáo rao vặt trên công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng, trên cây xanh. Các hình thức quảng cáo bằng loa phóng thanh gắn với phương tiện giao thông và các phương tiện di động khác hoạt động trên các tuyến đường trái quy định phải được xử lý kịp thời;

đ) Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ rạp đám cưới, đám tang lắp dựng tạm thời trên các tuyến đường thuộc địa bàn xã, phường. Căn cứ vào Điểm c, Khoản 2, Điều 33 của Quy chế này nhằm hướng dẫn, vận động nhân dân lắp dựng với kích thước rạp phù hợp. Đối với những hộ cố tình không chấp hành căn cứ vào Điểm g, Khoản 1 Điều này để xử lý.

e) Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, đơn vị của thành phố Ninh Bình kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

4. Trách nhiệm của Trường Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Ninh Bình

a) Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động quảng cáo trực quan ngoài trời bao gồm: Nội dung quảng cáo, hình thức quảng cáo, thời gian quảng cáo, mật độ quảng cáo, tính mỹ quan đô thị trong việc quảng cáo;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chỉ đạo các cấp, các ngành chức năng thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh văn hóa phẩm, kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí;

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đúng các quy định trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội. Phối hợp với các phòng ban và đơn vị liên quan tham mưu cụ thể cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình về các tuyến đường không được dựng rạp.

d) Phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị chuyên môn của thành phố Ninh Bình thẩm định các quy ước của thôn, phố trình Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình phê duyệt.

5. Trường Phòng Quản lý đô thị thành phố Ninh Bình có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình trong việc cho thuê, cho mượn vị trí quảng cáo trực quan ngoài trời; giám sát việc hoàn trả mặt bằng đảm bảo chất lượng như ban đầu, phối hợp với phòng Văn hóa thông tin hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện quy định trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định tại các Điều 5, 11, 16, 18, 21, 24, 29, 30, 31 của Quy chế này. Căn cứ trách nhiệm được quy định của Quy chế này, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Ninh Bình xây dựng quy chế, kế hoạch cụ thể của đơn vị mình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình có trách nhiệm:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về kết quả triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

c) Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố Ninh Bình để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Đầu tư phát triển đô thị thành phố Ninh Bình theo thẩm quyền;

b) Duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật, duy trì các hoạt động theo nội dung quy chế;

c) Khen thưởng các cá nhân, đơn vị thực hiện tốt quy chế theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung của Quy chế này.

Điều 31. Tuyên truyền, vận động

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, trường học, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, quán triệt, ký cam kết thực hiện nội dung Quy chế này tới toàn bộ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, khu dân cư, thôn, tổ dân phố, hộ gia đình trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình có trách nhiệm:

a) Làm việc cụ thể, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Ninh Bình và các tổ chức đoàn thể của thành phố Ninh Bình tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Quy chế này.

b) Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Ninh Bình, Đài Truyền thanh thành phố Ninh Bình, Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao thành phố Ninh Bình tuyên truyền nội dung Quy chế này bằng các hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 32. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện nghiêm túc Quy chế này; có đóng góp sáng kiến cải tiến hữu ích, thiết thực, hiệu quả cho công tác quản lý đô thị sẽ được biểu dương, khen thưởng theo quy định;

b) Người phát hiện, thông tin, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm và có nhiều đóng góp tích cực trong thực hiện Quy chế này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

a) Mọi hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hành vi vi phạm Quy chế này mà bị xử phạt hành chính thì tùy theo mức độ sẽ không đưa vào danh sách bình xét gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa hàng năm;

c) Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ về quản lý đô thị mà thiếu trách nhiệm không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì sẽ bị phê bình, nhắc nhở, xử lý vi phạm bằng văn bản theo quy định của Nhà nước, của tỉnh và thành phố Ninh Bình; nếu để bị phê bình bằng văn bản từ 03 lần trở lên sẽ bị xem xét điều chuyển công tác (đối với cá nhân), không xét thi đua khen thưởng, xem xét trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị (đối với tổ chức); đồng thời tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Đối với những đơn vị cung cấp dịch vụ công ích không làm đúng hợp đồng sẽ bị xử phạt theo hợp đồng đã ký kết. Nếu tái phạm 03 lần trở lên sẽ chấm dứt hợp đồng vị bị cấm hoạt động trên địa bàn thành phố Ninh Bình theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Thạch



PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH TÊN ĐƯỜNG - QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ THEO PHÂN CẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /2018/QĐ-UBND ngày 05 /02/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều rộng mặt đường (m)	Chi giới đường đỏ (m)	Chiều dài (m)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Đường do Tổng cục đường bộ Việt Nam quản lý					
1	Quốc lộ 1					8,984
-	Trần Hưng Đạo	Giáp Hoa Lư	Cầu Lim	23	33	4,604
-	30 tháng 06	Cầu Lim	Hết phường Ninh Phong	23	33	4,380
2	Quốc lộ 10					5,510
-	Lương Văn Thăng	Cầu Non Nước	Hết Ninh Phúc			
-	Đình Tiên Hoàng	Cầu Non Nước	Đình Tiên Hoàng	17	24	400
-	Lê Hồng Phong	Lương Văn Thăng	Lê Hồng Phong	21.5	29.5	560
-	Lê Đại Hành	Đình Tiên Hoàng	Cầu Vân Giang	14	24	250
-	Nguyễn Công Trứ	Cầu Vân Giang	Cầu Lim	14	24	1,000
		Cầu Lim	Trần Nhân Tông	15	29	3,300
		Trần Nhân Tông	Hết địa phận xã Ninh Phúc	10.5	20.5	970
3	Nguyễn Minh Không (Đường ĐT477)	Đầu xã Ninh Nhất	Hết địa phận p. Ninh Phong	33	51	7,385
B	Đường do Sở Giao thông vận tải quản lý					
1	Quốc lộ 38B - Lương Văn Thăng	Trần Hưng Đạo	Đình Tiên Hoàng	17	24	480
2	Trần Nhân Tông	Cảng Ninh Phúc	30-6 (QL1A)	36	62	4,800
3	Đường ĐT.478B (từ ngã tư Ba Vương, đường vào Tam Cốc)	30 tháng 6	Đường 477KD			
2	30 tháng 06 (trùng Quốc lộ 1)	Cầu Lim	Hết phường Ninh Phong			
3	Lương Văn Thăng (trùng QL38b, QL10)	Cầu Non Nước	Trần Hưng Đạo			
4	Nguyễn Công Trứ (trùng QL10)	Cầu Lim	Hết địa phận xã Ninh Phúc			
5	Nguyễn Minh Không (do tỉnh Quản lý)	Đg Tam Cốc BĐ	Cuối xã Ninh Nhất			
6	Trần Nhân Tông (do tỉnh quản lý)	Cảng Ninh Phúc	30-6 (QL1A)			
C	Đường do Sở Xây dựng quản lý					
1	Lê Hồng Phong (trùng QL10; toàn tuyến từ Trần Hưng Đạo đến Cầu Vân Giang)	Trần Hưng Đạo	Đình Tiên Hoàng	14	24	450
2	Lê Đại Hành (trùng QL10; toàn tuyến từ Ngô Gia Tự đến cầu Lim)	Ngô Gia Tự	Cầu Vân Giang	14	24	255
3	Nguyễn Huệ	Nguyễn Công Trứ	Đường 30-6	11	19	2,700
4	Vạn Hạnh (Đang có Dự án)	477	Thôn Bạch Cừ	17	29	3,900
5	Lưu Cơ	Phạm Hùng	Lê Thái Tổ	10.5	20.5	1,528
6	Trịnh Tú	Phạm Hùng	Kênh Đô Thiên	13	23	2,500

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều rộng mặt đường (m)	Chi giới đường đỏ (m)	Chiều dài (m)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	Nguyễn Bặc	Phạm Hùng	Kênh Đò Thiên	10.5	20.5	2,546
8	Đình Điền	Phạm Hùng	Kênh Đò Thiên	26	36	2,760
9	Tràng An	Đình Tiên Hoàng	Kênh Đò Thiên	23	33	3,162
10	Đào Duy Từ	Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	19	27	800
11	Tôn Đức Thắng	Lương Văn Thắng	Đình Điền	19	29	1,673
12	Lý Nhân Tông	Đê đày	Trần Nhân Tông	6	10	4,750
13	Đò Thiên (đường kênh Đò Thiên)	Vạn hạnh	Nguyễn Bặc	21	62	1,400
14	Phạm Hùng	Lưu Cơ	Nguyễn Bặc	7	15	1,200
15	Lê Thánh Tông (đường kênh Đò Thiên)	Xuân Thành	30 tháng 6	21	62	2,100
16	Lê Duẩn (tuyến đường T21, cầu vượt Ninh Phong)	Nút giao với đường Cao tốc Bắc Nam	Nguyễn Huệ	24	40	3,800
D. Đường do UBND thành phố Ninh Bình quản lý						
1	Xuân Thành	Trần Hưng Đạo	Cầu Ninh Xuân	10.5	20.5	2,260
2	Lương Văn Tụy	Trần Hưng Đạo	Kênh Đò Thiên	14	24	1,500
3	Trương Hán Siêu	Trần Hưng Đạo	Phan Đăng Lưu	7	15	1,720
4	Trần Phú	Dương Văn Nga	Phan Chu Trinh	7	15	2,400
5	Hải Thượng Lãn Ông	Trần Hưng Đạo	477	7	15	2,500
6	Tây Thành	Trần Hưng Đạo	Xuân Thành	7	15	2,060
7	Võ Thị Sáu	Lê Hồng Phong	Lương Văn Thắng	7	13	610
8	Vân Giang	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	11	23	800
9	Hoàng Diệu	Lê Đại Hành	Nhà Máy Điện	14	24	395
		Nhà Máy Điện	Bích Đào	22	39	985
10	Ngô Gia Tự	Lê Đại Hành	Nguyễn Huệ	7	15	3,360
11	Trương Định	Hoàng Diệu	Phố Trung Tự	7	15	742
12	Nguyễn Văn Cừ	Hoàng Diệu	Trần Nhân Tông	12	24	1,700
13	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ	Vũ Duy Thanh	7	7	1,500
14	Đình Tiên Hoàng (Trùng QL10)	Lê Hồng Phong	Vạn Hạnh	21.5	29.5	2,556
15	Đình Tắt Miến	Tôn Đức Thắng	Khu Tân An	15	30	1,617
16	Tuệ Tĩnh	30-6	Kênh Đò Thiên	10.5	20.5	3,000
17	Phan Chu Trinh	30-6	Tây thôn Hoàng Sơn	10.5	20.5	802
18	Phan Đăng Lưu	30-6	Lê Thái Tô	21	40	300
19	Lê Thái Tô	Vạn Hạnh	Nút N18 Phúc Tri	23	33	5,154



	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều rộng mặt đường (m)	Chi giới đường đỏ (m)	Chiều dài (m)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
20	Phạm Thận Duật	Triệu Việt Vương	Trần Nhân Tông	3.5	7.5	3,000
21	Trần Quang Khải	Triệu Việt Vương	Trần Nhân Tông	3.5	7	2,900
22	Vũ Duy Thanh	Nguyễn Công Trứ	Triệu Việt Vương	7	15	500
23	Triệu Việt Vương	Lý Nhân Tông	Trần Nhân Tông	24	34	2,000
24	Nguyễn Hữu An	Đg Xuân Thành	NVH thôn C. Loan	14	24	3,500
25	Ngô Quyền	Đình Diên	Võ Thị Sáu	21	30	1,600
26	Phùng Hưng (đường Đê đá - Phường Bích Đào, xã Ninh Phúc)	Cao tốc Bắc Nam	Hoàng Diệu	24	24	3,100
27	Nguyễn An Ninh (đường trước UBND phường Nam Bình)	Trần Quang Khải	Nguyễn Văn Cừ	21	29	2,000
28	Nguyễn Chí Thanh	Trần Nhân Tông	Nguyễn Văn Cừ	10.5	24	2,400
29	Yết Kiêu (đường đê sông Vạc)	Ninh Tôn	30 tháng 6	10,5-21	11,5-30	3,700
E. Các tuyến đường UBND các phường, xã quản lý						
1	Cát Linh	Trần Hưng Đạo	Kênh Đê Thiên	12	12	1,360
2	Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	Ng Lương Bằng	5	10	275
3	Cù Chính Lan	Trần Hưng Đạo	Ng Lương Bằng	5	10	275
4	Tô Vĩnh Diện	Trần Hưng Đạo	Tây Thành	5	10	1,110
5	Nam Thành	Trần Hưng Đạo	Lê Thái Tô	7	11.5	750
6	Phúc Thành	Trương Hán Siêu	Tây Thành	7	14	500
7	Lý Tự Trọng	Trần Hưng Đạo	Trương Hán Siêu	7	14	380
8	Kim Đồng	Trương Hán Siêu	Hải Thượng Lãn Ông	7	13	545
9	Thành Công	Xuân Thành	Đình Diên	7	15	530
10	Chiến Thắng	Trần Hưng Đạo	Đình Tiên Hoàng	7.3	7.3	460
11	Đông Phương Hồng	Lê Hồng Phong	Đình Diên	7	15	1,340
12	Dương Văn Nga	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	7	16	830
13	Phạm Hồng Thái	Trần Hưng Đạo	Vân Giang	7	17	400
14	Phan Đình Phùng	Trần Hưng Đạo	Vân Giang	6	10	490
15	Hoàng Hoa Thám	Lê Đại Hành	Ngô Gia Tự	7	16	260
16	Lê Văn Tám	Lê Đại Hành	Ngô Gia Tự	7	15	284
17	Lý Thái Tô	Lê Đại Hành	Hoàng Hoa Thám	7	15	755
18	Bùi Thị Xuân	Hùng Vương	Bắc Liêu	6	12	300
19	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	6	12	270
20	Nguyễn Du	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	6	12	270
21	Bà Triệu	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	16	24	270

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều rộng mặt đường (m)	Chi giới đường đỏ (m)	Chiều dài (m)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Bắc Liêu	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	7	15	300
23	Nguyễn Trãi	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	8	16	250
24	Hùng Vương	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	6	12	280
25	Nguyễn Việt Xuân	Nguyễn Công Trứ	Đê Đáy	9	19	1,000
26	Nguyễn Thị Minh Khai	Lý Nhân Tông	Trần Quang Khải	10.5	20.5	1,230
27	Nguyễn Tử Mẫn	Nguyễn Huệ	Ngô Gia Tự	6	12	270
28	Nguyễn Văn Giản	Trần Hưng Đạo	Đình Tiên Hoàng	7.5	7.5	450
29	Phạm Văn Nghị	Lê Hồng Phong	Lương Văn Thăng	7	13.5	540
30	Vũ Phạm Khải	30-6	Kênh Đô Thiên	10	20	932
31	Nguyễn Lương Bằng	Cát Linh	Lương Văn Tụy	10.5	15.5	320
32	Ninh Tôn	Nguyễn Công Trứ	Đê sông Vạc	7	15	4,200
33	Nguyễn Đình Chiểu (sau UBND phường Ninh Khánh)	Trần Hưng Đạo	Lê Thái Tô	10.5	20.5	410
34	Ninh Khánh (Trước UBND phường Ninh Khánh)	Trần Hưng Đạo	Lê Thái Tô	10.5	20.5	420
35	Trần Quốc Toàn	Ninh Khánh	Nguyễn Bạc	7	15-29	960
36	Văn Tiến Dũng	Lưu Cơ	Nguyễn Bạc	10.5	17.5	820
37	Phạm Ngọc Thạch	Lưu Cơ	Trịnh Tú	10.5	17.5	540
38	Nguyễn Văn Hoan	Phạm Hùng	Đình Tiên Hoàng	7	12.5	760
39	Hoàng Quốc Việt (đường từ QL1 vào làng Kim Đa)	Phạm Hùng	Trần Hưng Đạo	10.5	5-20	1,230
40	Lương Thế Vinh (trước Tập đoàn Xuân Thành - Phường Đông Thành)	Đình Diên	Đông Phương Hồng	7-20	15-30	1,680
41	Tân An	Tràng An	Trịnh Tú	10.5	20.5	400
42	Thành An	Tràng An	Trịnh Tú	10.5	20.5	400
43	Bích Đào (trước UBND phường Bích Đào)	Ngõ 27, đường Triệu Việt Vương	Lý Nhân Tông	7-10,5	12-20,5	1,050
44	Nam Bình (từ đường Nguyễn Công Trứ vào UBND phường Nam Bình)	Nguyễn Công Trứ	Hai Bà Trưng	10.5	15-20	1,200
	Toàn bộ các tuyến đường ngõ, ngách, hẻm trên địa bàn xã, phường					



PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DO CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ NINH BÌNH
QUÉT DỌN, THU GOM RÁC THẢI

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
1	2	3	4
1	Quốc lộ 1A (Đ. Trần Hưng Đạo)	Đường Trịnh Tú	Cầu Lim
		Đường Trịnh Tú	Đường Vạn Hạnh
2	Đường gom (đọc Quốc lộ 1A)	Đường Đinh Tất Miễn	Đường Đào Duy Từ
3	Quốc lộ 1A (Đường 30/06)	Cầu Lim	Cầu Vũng Trám
4	Quốc lộ 10 (Nguyễn Công Trứ)	Cầu Lim	Ngã tư Ninh Phúc
5	Lương V. Thăng	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Non Nước
6	Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Vân Giang
7	Lê Đại Hành	Cầu Lim	Đường Ngô Gia Tự
8	Xuân Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Ninh Xuân
9	Cát Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ng Lương Bằng
10	Nguyễn Lương Bằng	Đường Lương Văn Tụy	Đường Cát Linh
11	Lương Văn Tụy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tây Thành
12	Trương Hán Siêu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hải Thượng Lãn Ông
13	Trần Phú	Đường Dương Văn Nga	Đường Hải Thượng Lãn Ông
14	Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trương Hán Siêu
15	Kim Đồng	Đường Trương Hán Siêu	Đường Hải Thượng Lãn Ông
16	Hải Thượng Lãn Ông	Đường 30/06	Bệnh viện lao
17	Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thăng
18	Xung quanh hồ máy xay	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Thị Sáu
19	Vân Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong
20	Dương Văn Nga	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong
21	Phạm Hồng Thái	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Vân Giang
22	Hoàng Diệu	Đường Lê Đại Hành	Cổng chào
23	Hoàng Hoa Thám	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự
24	Lê Văn Tám	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự
25	Lý Thái Tổ	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Hoa Thám
26	Ngô Gia Tự	Đường Lê Đại Hành	Đường Hai Bà Trưng
27	Trương Định	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Công Trứ

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối
1	2	3	4
28	Nguyễn Văn Cừ	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ
29	Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Vững Trầm
30	Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đê Đáy
31	Ng. Thị Minh Khai	Đường Lý Nhân Tông	Đường Vũ Duy Thanh
32	Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trịnh Tú
33	Ngõ 1 đường Tôn Đức Thắng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Đinh Tiên Hoàng
34	Phạm Văn Nghị	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thắng
35	Xung quanh sân vận động thành phố Ninh Bình		
36	Trịnh Tú	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Hưng Đạo
37	Đông Phương Hồng	Đường Đào Duy Từ	Đường Tràng An
38	Đinh Điền	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Tôn Đức Thắng
39	Đinh Tất Miến	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Hưng Đạo
40	Tràng An	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Thái Tổ
41	Đào Duy Từ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tôn Đức Thắng
42	Lê Thái Tổ	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Nguyễn Bạc
43	Trần Nhân Tông	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường 30 tháng 6
44	Tuệ Tĩnh	Đường 30-6	Đường Lê Thái Tổ
45	Tôn Đức Thắng	Đường Lương Văn Thắng	Đường Đinh Điền
46	Đường vào ga mới (đường 27/7)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự



PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG HẠN CHẾ Ô TÔ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

1. Đối với xe vận chuyển hành khách:

a) Đối với xe vận chuyển hành khách chạy tuyến cố định không có bến đi, bến đến là các bến xe khách trong tỉnh Ninh Bình khi đi qua địa phận thành phố Ninh Bình chỉ được chạy trên các tuyến đường sau:

- Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn từ Ba Vương đến Cầu Nam Bình kết nối với đường cao tốc Cao Bồ)
- ĐT.478B từ cầu Ba Vương đến nút giao với QL.1 tránh TP Ninh Bình đến cầu Nam Bình;
- Tuyến đường 30/06 (đoạn từ Cầu Yên đến Cầu Vòm)
- Tuyến đường Nguyễn Minh Không (QL.1 tránh TP Ninh Bình)
- Tuyến đường Nguyễn Công Trứ (đoạn từ Ngã tư Big C đi về phía Yên Khánh)

b) Đối với vận chuyển hành khách chạy tuyến cố định có bến đi, bến đến là các bến xe khách trong tỉnh Ninh Bình, xe vận chuyển khách theo hợp đồng, xe chở khách du lịch lữ hành, xe ô tô buýt thì được đi qua các tuyến đường thuộc địa phận thành phố Ninh Bình (theo Quyết định 515/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 và Công văn số 821/UBND-VP4 ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh).

c) Đối với xe vận chuyển hành khách khác:

- Tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ đường Lương Văn Thăng đến Lê Hồng Phong): cấm xe ô tô chở khách có chiều dài trên 09m.
- Tuyến đường Phạm Văn Nghị: cấm xe ô tô chở khách (có trên 09 chỗ ngồi)
- Tuyến đường Vân Giang, Dương Vân Nga, Phạm Hồng Thái: cấm xe khách trên 29 chỗ ngồi.

2. Đối với xe ô tô tải:

TT	Tên đường	Đầu điểm cấm	Cuối điểm cấm	Phương tiện bị cấm
1	Trần Hưng Đạo	Trịnh Tú	Cầu Lim	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
2	30 tháng 06	Cầu Lim	Tuệ Tĩnh	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
3	Lê Hồng Phong	Trần Hưng Đạo	Cầu Vân Giang	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)

TT	Tên đường	Đầu điểm cấm	Cuối điểm cấm	Phương tiện bị cấm
4	Lê Đại Hành	Cầu Lim	Ngô Gia Tự	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
5	Ngô Gia Tự	Lê Đại Hành	Nguyễn Công Trứ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
6	Đình Tiên Hoàng	Lê Hồng Phong	Trịnh Tú	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
7	Đình Tiên Hoàng	Lê Hồng Phong	Lương Văn Thắng	Xe ô tô tải trên 5 tấn
8	Đình Tiên Hoàng	Tràng An	Trịnh Tú	Xe ô tô tải
9	Hải Thượng Lãn Ông	30/06	Lê Thái Tổ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
10	Trịnh Tú	Trần Hưng Đạo	Phạm Hùng	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
11	Đình Điền	Ngô Quyền	Lê Thái Tổ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
12	Đình Tắt Miễn	Tôn Đức Thắng	Lê Thái Tổ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
13	Đào Duy Từ	Tôn Đức Thắng	Trần Hưng Đạo	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
14	Tràng An	Đình Tiên Hoàng	Lê Thái Tổ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
15	Tôn Đức Thắng	Lương Văn Thắng	Đình Điền	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
16	Nguyễn Bặc	Lê Thái Tổ	Phạm Hùng	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
17	Hoàng Diệu	Lê Đại Hành	Ngô Gia Tự	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
18	Hoàng Hoa Thám	Lê Đại Hành	Ngô Gia Tự	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
19	Xuân Thành	Trần Hưng Đạo	Lê Thái Tổ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
20	Dương Văn Nga	Lê Hồng Phong	Trần Hưng Đạo	Xe ô tô tải trên 2,5 tấn (6h-12h; 13h30'-19h)
21	Vân Giang	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	Xe ô tô tải trên 2,5 tấn (6h-12h; 13h30'-19h)
22	Phạm Hồng Thái	Lê Hồng Phong	Vân Giang	Xe ô tô tải trên 2,5 tấn (6h-12h; 13h30'-19h)
23	Lương Văn Thắng	Trần Hưng Đạo	Tôn Đức Thắng	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
24	Võ Thị Sáu	Lê Hồng Phong	Lương Văn Thắng	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
25	Phạm Hùng	Nguyễn Bặc	Trịnh Tú	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
26	Trương Hán Siêu	Trần Hưng Đạo	Phan Đăng Lưu	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
27	Lương Văn Tụy	Trần Hưng Đạo	Lê Thái Tổ	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)
28	Ngô Quyền	Đình Điền	Võ Thị Sáu	Xe tải trên 10T (từ 06h-22h)



PHỤ LỤC SỐ 4

ĐIỂM DỰ KIẾN TẬP KẾT RÁC THẢI XÂY DỰNG TẠM THỜI

1. Phường Bích Đào

a. Vị trí khu đất

- Phía bắc giáp tuyến đường ĐT 476 (đường Bái Đính - Kim Sơn);
- Phía nam giáp Trung tâm sát hạch lái xe Thành Nam;
- Phía đông gần giáp đường Trần Nhân Tông;
- Phía tây gần giáp trạm bơm tưới tiêu phía Đông thành phố Ninh Bình.

b. Quy mô và trữ lượng dự kiến

- Tổng diện tích khoảng 25.000 m² (dài 500 m, rộng 50 m).
- Sức chứa khoảng 37.500 m³.

2. Phường Ninh Khánh

a) Vị trí khu đất

Tại khu vực Núi đá Lở thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính phường Ninh Khánh.

b) Quy mô và sức chứa dự kiến

- Tổng diện tích khoảng 3.000 m².
- Sức chứa khoảng 4.500 m³./.



PHỤ LỤC SỐ 5
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ BÀI ĐỒ XE ĐÔ XE TỈNH TẠM THỜI

TT	Địa điểm	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Số lượng biển báo	Kẻ vạch	Chiều đỗ xe
I	Phường Thanh Bình								
1	Đường Hoàng Diệu	Trên vỉa hè phía Nam	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh giới trường Cấp 2 Trương Hán Siêu	69	5	1	x	Vuông góc với tim đường
2	Đường Lê Đại Hành	Lòng đường phía bắc	Cổng Bảo tàng Ninh Bình	Cổng sau Công viên Thúy Sơn	92	2.5	1	x	Song song với tim đường
II	Phường Đông Thành								
II.1	Đường Võ Thị Sáu								
3	Vị trí 1	Lòng đường phía đông	Đường Lê Hồng Phong	Giữa ki ốt số 2	100	2.5	1	x	Song song với tim đường
4	Vị trí 2	Lòng đường phía nam	Cuối hồ Máy Xay, đối diện Trụ sở Bộ đội Biên Phòng		50	2.5	1	x	Song song với tim đường
5	Đường Đông Phương Hồng	Lòng đường phía Đông	Đường Tràng An	Đường Đào Duy Từ	142	2.5	0	x	Song song với tim đường

TT	Địa điểm	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Số lượng biển báo	Kẻ vạch	Chiều đỗ xe
6	Ngõ 8 ,đường Tràng An	Long đường Phía Tây	Đường Tràng An	Đường Đào Duy Từ	142	2.5	0	x	Song song với tim đường
III	Phường Tân Thành								
7	Đường Tràng An (địa điểm cũ)	Lòng đường phía Nam, làn đường ra QL1A	Quốc lộ 1A	dịch 200 m về phía tràng an	200	2.5	0	x	Đỗ chéo
8	Đường Cát Linh kéo dài (địa điểm mới)	Lòng đường phía Nam	Đường Tây Thành	Đường Lê Thái Tổ	214	5	1	x	Vuông góc với tim đường
IV	Phường Phúc Thành								
9	Đường Hải Thượng Lãn Ông (địa điểm mới)	Via hè Phía bắc	Đường Lê Thái Tổ	Công Bệnh viện Tâm Thần	36	5	1	x	Vuông góc với tim đường
10	Đường Trương Hán Siêu (địa điểm cũ)	Via hè phía tây	một phần via hè phía trước Bệnh viện Quân y 5		185.5	5	3	x	Vuông góc với tim đường
V	Phường Nam Thành								
11	Đường Tuệ Tĩnh (địa điểm mới)	Lòng đường phía Nam	Công Bệnh viện đa khoa tỉnh	Công Nhà Tang lễ	176	5	1	x	Vuông góc với tim đường
IV	Phường Ninh Phong								



	Địa điểm	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Số lượng biển báo	Kẻ vạch	Chiều đỗ xe
12	Đường Tam Cốc Bích Động	2 bên lòng đường	Phía Tây Cổng Chèo	Dịch 76m về phía Tam Cốc Bích Động	152	10	2	x	Vuông góc với tim đường
VI	Phường Nam Bình								
13	Đường Nguyễn Huệ	Lòng đường phía Tây	Cây xăng	Đường Hùng Vương	120	5	1	x	Vuông góc với tim đường
VII	Phường Bích Đào								
14	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Lòng đường phía bắc	Cổng trường Trung cấp Kinh Tế	Cổng trường Trung cấp Chính trị	102	2.5	1	x	Song song với tim đường
VIII	Phường Vân Giang								
15	Đường Lê Hồng Phong	Lòng đường phía Nam	Cổng Khách sạn Tràng An	Đường Phạm Hồng Thái	180	2.5	0	x	Song song với tim đường
16	Đường Trần Phú	Số nhà 50	đường Dương Văn Nga	Long đường Phía Hồ Biển Bạch	169.5	7.3	1	x	Song song với tim đường



PHỤ LỤC SỐ 6

**LỊCH THỜI GIAN THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT TRONG NGÀY
TẠI CÁC XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NINH BÌNH**

STT	Tên đơn vị	Giờ thu gom rác
1	Phường Phúc Thành	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
2	Phường Vân Giang	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
3	Phường Nam Thành	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
4	Phường Nam Bình	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
5	Phường Bích Đào	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
6	Phường Thanh Bình	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
7	Phường Tân Thành	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
8	Phường Đông Thành	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
9	Phường Ninh Khánh	Thu gom từ 19 giờ (Từ 7 giờ tối)
10	Phường Ninh Phong	Thu gom từ 14 giờ
11	Phường Ninh Sơn	Thu gom từ 14 giờ
12	Xã Ninh Tiến	Thu gom từ 14 giờ
13	Xã Ninh Phúc	Thu gom từ 14 giờ
14	Xã Ninh Nhất	Thu gom từ 14 giờ

Ghi chú:

- Khi có tín hiệu (kèn, chuông, ...) của công nhân đi thu gom rác thải sinh hoạt, các hộ mới được mang rác ra để tiến hành thu gom. Ngoài quy định nêu trên, các hộ gia đình tự bảo quản rác trong nhà.

- Nếu vì lý do nào đó không đưa rác ra ngoài đúng giờ thì bỏ rác vào thùng rác công cộng.

PHỤ LỤC SỐ 7 - MẪU BÁO CÁO

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Ninh Bình, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG
THÁNG ... NĂM ... (Từ ngày ... đến ngày ...)

STT	Chủ công trình XD (Địa chỉ XD C/Trình)	Khởi công ngày, tháng, năm	Tiến độ xây dựng	Phù hợp với nội dung GPXD	Không phù hợp với nội dung GPXD	Nội dung Giấy phép Xây dựng						Ghi chú
						Số GPXD ban hành	Cấp ngày, tháng, năm	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn	Số tầng	Chiều cao	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Tên chủ đầu tư Địa chỉ xây dựng công trình											
2											

Ghi chú: Cột (13) mục ghi chú ghi rõ đơn vị cấp giấy phép và các nội dung khác nếu có.

Cột (5) (6): Phù hợp với GPXD ghi "Phù hợp". Không phù hợp với GPXD ghi "Không phù hợp"

Yêu cầu: Báo cáo phải được đóng dấu giáp lai

CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM VỀ TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG

STT	Chủ Công trình xây dựng (Địa chỉ XD C/Trình)	Thời điểm kiểm tra	Nội dung và quá trình xử lý				Ghi chú
1	Tên chủ đầu tư Địa chỉ xây dựng công trình						
2						

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN